

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/DS-ST

Ngày: 16-11-2021

V/v: Tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Tấn Đồng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Đình Cường**
2. Ông **Nguyễn Văn Phẩm**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Bảo**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh **Phan Thành Đ**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú số 25, đường số 1, khu chung cư 586, Trần Hưng Đạo, Khóm 2, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Lê Tấn P**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú số 66, đường 3/2, Khóm 4, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 24/12/2020) (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2020 của anh Phan Thành Đ và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của anh Lê Tấn P trình bày:

Nguyên vào tháng 9/2020, anh Đ có thỏa thuận hùn vốn với anh Hồ Phước D, anh Nguyễn Thanh T và chị D để nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 302,9 m² của bà Đoàn Thị Kim O, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú ấp Thanh T, xã A, huyện M, tỉnh V với giá là 490.000.000 đồng và các chi phí khác tương đương mỗi người hùn vào số tiền 125.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận để cho chị D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khi nào chuyển nhượng phần đất này cho người khác thì chia tiền thành 04 phần bằng nhau cho bốn người.

Ngày 30/9/2020, chị D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 470, tờ bản đồ số 12, diện tích 302,9 m², loại đất trồng cây lâu năm. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị D đã chuyển nhượng thửa đất số 470 cho người khác với giá là 640.000.000 đồng, trừ các khoản chi phí còn lại số tiền 624.000.000 đồng.

Sau khi chuyển nhượng đất đến ngày 01/12/2020, chị D đã chia tiền cho anh D và anh T mỗi người số tiền 156.000.000 đồng. Sau đó anh Đ mới biết chị D đã chuyển nhượng đất cho người khác nhưng không chia tiền cho anh. Sự việc xảy ra anh Đ đã nhiều lần gặp trực tiếp yêu cầu chị D chia cho anh số tiền 156.000.000 đồng nhưng chị D không đồng ý.

Nay anh Đạt khởi kiện yêu cầu chị D có nghĩa vụ chia (trả) cho anh số tiền 156.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản hòa giải ngày 22/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị D trình bày: Chị D thừa nhận lời trình bày của anh Đ về việc trước đây có hùn tiền để nhận chuyển nhượng đất. Sau đó chị đã chuyển nhượng đất cho người khác được số tiền 624.000.000 đồng và chị đã chia tiền cho anh D và anh T mỗi người số tiền 156.000.000 đồng, hiện nay chị còn giữ của anh Đ số tiền 156.000.000 đồng đúng như anh Đ trình bày. Tuy nhiên, chị D cho rằng do trước đây chị và anh Đ sống chung với nhau như vợ chồng (không có đăng ký kết hôn và chị đang mang thai con của anh Đ), nhưng anh Đ không có trách nhiệm gì với chị và con nên chị giữ số tiền 156.000.000 đồng của anh Đ để lo cho chị và con. Vì vậy, chị không đồng ý trả số tiền 156.000.000 đồng cho anh Đ.

Ngoài ra, tại đơn xin cứu xét ngày 28/10/2021 và tại phiên tòa, chị Phạm Thị D trình bày: Hiện nay chị đã sinh con xong nên chị yêu cầu anh Đ hỗ trợ các khoản chi phí từ khi mang thai đến lúc sinh con và cấp dưỡng nuôi con đến 18 tuổi với tổng số tiền là 787.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự tranh chấp đòi tài sản là tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; bị đơn chị D có nơi cư trú tại xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào tháng 9/2020, anh Đ, anh D, anh T và chị D mỗi người hùn số tiền 125.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng đất và thỏa thuận để cho chị D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nào chuyển nhượng đất lại cho người khác thì chia tiền thành 04 phần bằng nhau. Sau đó chị D đã chuyển nhượng đất cho người khác được số tiền 624.000.000 đồng và ngày 01/12/2020 chị D đã chia tiền cho anh D và anh T mỗi người số tiền 156.000.000 đồng, hiện nay chị D còn giữ số

tiền 156.000.000 đồng của anh Đ là có thật. Bởi sự việc này các đương sự đều thừa nhận.

[2.2] Đối với việc chị D cho rằng do anh Đ không thực hiện trách nhiệm nuôi con chung của chị và anh Đ nên chị giữ số tiền 156.000.000 đồng của anh Đ để nuôi con và chị không đồng ý trả lại tiền cho anh Đ. Xét việc anh Đ không thực hiện trách nhiệm nuôi con chung là một quan hệ pháp luật khác được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình, còn việc anh Đ yêu cầu chị trả lại số tiền 156.000.000 đồng của anh Đ mà chị đang giữ là một quan hệ pháp luật khác được điều chỉnh bởi Bộ luật dân sự. Hai sự việc khác nhau được điều chỉnh bởi các mối quan hệ pháp luật khác nhau và không có liên quan với nhau. Do đó, xét lý do chị D đưa ra để không đồng ý trả số tiền 156.000.000 đồng cho anh Đ là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với việc chị D yêu cầu anh Đ hỗ trợ các khoản chi phí từ khi mang thai đến lúc sinh con và cấp dưỡng nuôi con đến 18 tuổi với tổng số tiền là 787.000.000 đồng. Như nhận định phân trên, đây là một quan hệ pháp luật khác không liên quan đến quan hệ pháp luật đang giải quyết trong vụ án này. Đồng thời, chị D có yêu cầu sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu này của chị D trong vụ án này là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 72 và khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Do không chấp nhận lý do của chị D đưa ra để không đồng ý trả lại tiền cho anh Đ nên xét việc anh Đ yêu cầu chị D có nghĩa vụ trả lại cho anh số tiền 156.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị D phải chịu số tiền 7.800.000 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 72 và khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thành Đ. Buộc chị Phạm Thị D có nghĩa vụ trả cho anh Phan Thành Đ số tiền 156.000.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị D phải chịu số tiền 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phan Thành Đạt được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006675 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Tấn Đồng

